

KẾ HOẠCH

Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025; Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực linh kiện phụ tùng (*linh kiện phụ tùng kim loại, linh kiện phụ tùng nhựa, cao su và linh kiện phụ tùng điện, điện tử*); lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may, da giày (*nguyên vật liệu và phụ liệu phục vụ ngành dệt may, da giày*); lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao, phục vụ cho hoạt động sản xuất của các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh; từng bước mở rộng sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đạt chuẩn cung ứng cho thị trường trong nước và tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng ngành công nghiệp hỗ trợ đạt ổn định 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

2. Yêu cầu

Phù hợp với mục tiêu, định hướng, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP; Quyết định số 68/QĐ-TTg và Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 11/3/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2025.

II. ĐỐI TƯỢNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Đơn vị tổ chức triển khai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành chủ trì thực hiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực mình quản lý; được tiếp nhận kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch này và có trách nhiệm quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Đơn vị thụ hưởng

Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong thời gian qua



Trong thời gian qua ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh đã và đang nhận được nhiều sự quan tâm, đầu tư và hỗ trợ từ Trung ương đến địa phương thông qua các chính sách, cơ chế ưu đãi mạnh mẽ, bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định. Hiện nay, trên địa bàn đã xuất hiện một số nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ chủ yếu như: Cơ khí chế tạo, sản xuất bao bì, sản xuất linh kiện điện tử, gỗ MDF, da giày. Cụ thể:

- *Ngành cơ khí chế tạo*: Chủ yếu là sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho công nghiệp đóng, sửa chữa tàu, thuyền (vỏ lãi, xuồng, tàu, canô cao tốc, bồn nước các loại, chi tiết máy đánh bắt thủy sản, chân vịt, máy ép chân vịt, ép tôn, trục tiến tới hộp số); sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nông nghiệp, thương mại (phụ tùng máy Kubota, bi nghiền clinker, băng chuyền, lắp ráp máy gặt đập liên hợp; thiết bị đóng đếm và bơm xăng dầu). Các sản phẩm sản xuất còn thủ công nhiều, hàm lượng công nghệ chưa cao.

- *Ngành sản xuất bao bì*: Đã và đang có những phát triển nhất định, phục vụ cho các ngành công nghiệp chính, là thế mạnh của tỉnh như: Công nghiệp chế biến nông, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD). Các sản phẩm này là: Bao bì PP, PE, PVC, HDPE, bao xi măng... Ngoài ra còn một lượng khá lớn bao bì phục vụ cho các ngành công nghiệp khác và đặc biệt là ngành du lịch (chai, lọ đựng nước mắm; túi, hộp đựng các sản phẩm thủ công truyền thống v.v...). Các sản phẩm của ngành công nghiệp hỗ trợ này có nhiều tiềm năng để phát triển.

- *Ngành sản xuất linh kiện điện tử*: Đã thu hút được 01 dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp ngành điện tử, tin học. Chủ yếu là sản xuất thiết bị tai nghe các loại, đây là đơn vị FDI chuyên sản xuất linh kiện điện tử cho các tập đoàn sản xuất di động lớn trên thế giới. Tuy nhiên sản lượng sản xuất không lớn và đã giải thể, ngừng hoạt động do không có đơn đặt hàng.

- *Ngành sản xuất gỗ MDF*: Đã thu hút được 01 dự án sản xuất gỗ MDF, công suất 75.000m³/năm. Nhà máy hoạt động theo công nghệ ép liên tục, một công nghệ tiên tiến trên thế giới về sản xuất ván MDF từ nguyên liệu là gỗ tràm nước. Sản phẩm chính của nhà máy là ván MDF, HDF, LDF, HMR đáp ứng được nhu cầu đa dạng của ngành công nghiệp chế biến gỗ trong và ngoài nước.

- *Ngành da giày*: Đã thu hút được 01 dự án sản xuất da giày công suất 6,42 triệu đôi/năm, chuyên sản xuất giày thể thao xuất khẩu sang Hoa Kỳ và EU. Nhằm đón đầu các cơ hội lớn từ các hiệp định thương mại mà Việt Nam đang đàm phán. Hiện nay dự án đang thực hiện mở rộng công suất thiết kế sản phẩm, nâng công suất của các ngành phụ trợ như sản xuất đế, phom, khuôn, in, ép...

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ tỉnh Kiên Giang cũng còn một số mặt hạn chế như: Sự phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp trọng yếu của tỉnh còn nhỏ lẻ và chưa phát triển; các ngành công nghiệp hỗ trợ chưa định hình rõ nét; số lượng cơ sở công nghiệp hỗ trợ còn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh; các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ chủ yếu là các cơ sở có quy mô vừa và nhỏ nên năng lực vốn, công nghệ và phạm vi thị trường còn rất hạn chế, gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình phát triển; giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp hỗ trợ còn thấp...

Nguyên nhân là do quá trình phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam nói chung và Kiên Giang nói riêng đang gặp phải nhiều rào cản về công nghệ và chi phí, thị trường kết nối giữa bên cung cấp và bên có nhu cầu, chính sách hỗ trợ, chất lượng nguồn nhân lực và quy hoạch cũng như cơ sở hạ tầng kỹ thuật; năng lực cung cấp của ngành công nghiệp hỗ trợ trong tỉnh còn rất hạn chế và chưa liên kết được với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để cung cấp nguyên liệu linh kiện phụ tùng; nguồn vốn đầu tư chưa tập trung hướng vào các ngành công nghiệp hỗ trợ nhất là về công nghệ để tạo ra hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ của tỉnh phát triển; các sản phẩm công nghiệp chính của tỉnh hầu hết sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng nhập khẩu hoặc phải mua từ các doanh nghiệp khác trong nước do các sản phẩm trong tỉnh chưa cung cấp được hoặc chỉ có khả năng cung cấp các chi tiết có yêu cầu kỹ thuật thấp.

2. Các nhiệm vụ phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020

Giai đoạn từ nay đến năm 2020 tập trung triển khai các hoạt động về phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Kết nối, hỗ trợ cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho các đơn vị sản xuất công nghiệp ở trong và ngoài tỉnh. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh. Mở rộng thị trường trong và ngoài nước cho các ngành công nghiệp hỗ trợ. Bao gồm các hoạt động: Khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm soát chất lượng cho sản phẩm; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật; tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư; tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội chợ triển lãm để trưng bày các sản phẩm; hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm; hỗ trợ tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

b) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp áp dụng hệ thống về quản lý chất lượng sản phẩm, quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phù hợp với yêu cầu quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Bao gồm các hoạt động: Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất; tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp; tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất.

c) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường liên kết giữa các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp. Bao gồm các hoạt động: Đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp; đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại; tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách quản lý, công nghệ, thương mại về công nghiệp hỗ trợ.

d) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu trong sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Bao gồm các hoạt động: Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ

sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm; hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền, sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài và đào tạo nguồn nhân lực.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật thông tin về công nghiệp hỗ trợ.

Bao gồm các hoạt động: Mua thông tin dữ liệu cần thiết trong và ngoài nước; cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch này đến 2020 là 19.050 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh là 16.769 triệu đồng; vốn khác là 2.281 triệu đồng. Cụ thể:

- Kinh phí thực hiện kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài tỉnh; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh là 6.075 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống về quản lý chất lượng sản phẩm, quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất là 1.325 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ là 850 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu là 9.395 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật thông tin về công nghiệp hỗ trợ là 1.450 triệu đồng.

2. Nguồn vốn:

Chi tiết các nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này đến năm 2020, như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Tổng số	2018	2019	2020
1	Ngân sách tỉnh	16.769	4.295	5.539	6.935
2	Vốn khác (tự có, huy động, vay...)	2.281	395	751	1.135
	TỔNG CỘNG	19.050	4.690	6.290	8.070

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung trong dự toán hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, bố trí dự toán, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch

này vào dự toán chi ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc lập dự toán và quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu về lao động cho các ngành công nghiệp hỗ trợ.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

6. Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung thuộc Kế hoạch này. /.

Nơi nhận:

- TT. TƯ;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P.KTTH, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, nhsuong.

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng



Phụ lục I
TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG ĐẾN NĂM 2020
 (Kèm theo Kế hoạch số 21 / KH-UBND ngày 21 / 8 /2017 của UBND tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác		
I	Kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài tỉnh; xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh							
1	Khảo sát, đánh giá nhu cầu, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kiểm soát chất lượng cho sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.	Doanh nghiệp	20	700	700	-	2018 - 2019	Sở Công Thương
2	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	15	525	525	-	2017 - 2019	Sở Công Thương
3	Tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	02	200	200	-	2018 - 2020	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch
4	Tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	02	100	100	-	2017 - 2019	Sở Công Thương
5	Tổ chức hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	01	900	765	135	2019	Sở Công Thương
6	Hỗ trợ quảng bá, đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	20	700	700	-	2018 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Hỗ trợ tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh	Chương trình	02	150	128	22	2018 - 2020	Sở Công Thương
8	Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	50	2.800	2.380	420	2018 - 2019	Sở Công Thương

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác		
II	Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống về quản lý chất lượng sản phẩm, quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất							
1	Đánh giá khả năng và nhu cầu áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý trong sản xuất cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	20	700	700	-	2018 - 2019	Sở Công Thương
2	Tổ chức đào tạo cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	02	100	100	-	2017 - 2019	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
3	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật để các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	01	525	445	80	2019	Sở Công Thương
III	Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ							
1	Đánh giá nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ	Doanh nghiệp	20	700	700	-	2018 - 2019	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
2	Đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ về chính sách, quản lý, công nghệ, thương mại	Chương trình	02	100	100	-	2018 - 2020	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
3	Tổ chức các khóa đào tạo cán bộ quản lý nhà nước về chính sách quản lý, công nghệ, thương mại về công nghiệp hỗ trợ.	Chương trình	01	50	50	-	2018	Sở Công Thương
IV	Hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu							
1	Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	Chương trình	02	150	128	22	2018 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp	Doanh nghiệp	10	2.000	1.700	300	2019 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác		
3	Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm	Doanh nghiệp	5	2.500	2.125	375	2020	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ	Doanh nghiệp	5	400	340	60	2019	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Hỗ trợ doanh nghiệp mua bản quyền, sáng chế, phần mềm	Doanh nghiệp	5	900	765	135	2020	Sở Công Thương
6	Hỗ trợ doanh nghiệp thuê chuyên gia nước ngoài	Doanh nghiệp	10	2.100	1.786	314	2018 - 2020	Sở Công Thương
7	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nguồn nhân lực	Doanh nghiệp	15	1.300	1.100	200	2019	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
V	Hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật thông tin về công nghiệp hỗ trợ							
1	Mua thông tin dữ liệu cần thiết trong và ngoài nước về công nghiệp hỗ trợ	Dữ liệu	05	1.250	1.062	188	2018 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Cung cấp thông tin cung cầu về thị trường sản phẩm công nghiệp hỗ trợ và chính sách về công nghiệp hỗ trợ.	Chương trình	02	200	170	30	2018 - 2020	Sở Công Thương
	TỔNG NGUỒN VỐN			19.050	16.769	2.281		